1. Why is Tom feeling worried?

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 1 MÔN: TIẾNG ANH 8 RIGHT ON!

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Listen to two friends talking about the customs when visiting a Japanese house. Choose the best option (A, B, C or D).

A. Because he can't go	o to Yuki's house.				
B. Because he doesn't	know Yuki's parents.				
C. Because he knows	little about the custom	s in Japan.			
D. Because Mary can'	t tell him much about	Japanese customs.			
2. When would be the best time for Tom to visit Yuki's house for dinner?					
A. 30 minutes early	B. on time	C. 10 minutes late	D. at any time he wants		
3. What should Tom u	ise to clean his hands l	pefore eating?			
A. warm water	B. soap and water	C. dry towels	D. wet towels		
4. What does Mary sa	y about using chopstic	eks?			
A. It's relaxing to eat	It's relaxing to eat with chopsticks. B. She can't use chopsticks well.				
C. It's not difficult to use chopsticks. D. Tom doesn't need			o practise using chopsticks.		
5. What are Tom and	Mary doing next?				
A. They are going to the market.		B. They are buying some clothes for Tom.			
C. They are visiting Y	They are visiting Yuki's family. D. They are going back to Tom's house.				
Choose the word that	has the underlined po	art pronounced differe	ntly from the others.		
6. A. co <u>s</u> tume	B. close	C. music	D. because		
7. A. c <u>o</u> splay	B. honest	C. costume	D. host		
8. A. p <u>a</u> rade	B. tradition	C. wrapped	D. fashion <u>a</u> ble		
Choose the word that	has a stress pattern d	ifferent from the other	rs.		
9. A. offer	B. listen	C. open	D. respect		
10. A. important	B. cultural	C. expensive	D. attractive		
Choose the best optio	n(A, B, C or D).				
11. At Halloween, peo	ople in my country usu	ally dress sca	ry costumes.		
A. on	B. up to	C. up in	D. into		
12. In Thailand, peopl	le their head	ls and press their hands	together to greet each other.		
A. shake	B. bow	C. touch	D. cross		
13. You should only t	ake a bite th	ne oldest person at the t	able starts eating.		
A. because	B. before	C. after	D. so		
	nd's new song. I think t	this is their son	g ever.		

A. better	B. best	C. worse	D. worst	
15. You shouldn't sha	ake hands with women	in India - it's very	<u> !</u>	
A. impolite	B. nice	C. traditional	D. interesting	
16. His concert ticket	isn't as min	e because I have to sit	very far from the stage.	
A. much cheap	B. cheaper	C. cheapest	D. so cheap	
17. <i>Chris:</i> "How wer	e the singers?" – Sue:	·· <u> </u>		
A. It was bigger than	I thought.	B. I was so excited about it.		
C. They sang very we	ell.	D. The music was too loud.		
18. <i>Brad:</i> "Did you e	enjoy the concert?" – K	fate: "		
A. To be honest, I wa	as bored.	B. Yes, I bought two	tickets.	
C. No, I went to the c	concert by bus.	D. It's a good song.		
19. If you go to a din	ner party, you should _	some flow	vers to the host.	
A. offer	B. accept	C. receive	D. refuse	
20. Yesterday, Ivy	a presenta	tion on some popular o	customs in Việt Nam.	
A. took	B. gave	C. had	D. got	
Give the correct form	ns of the words in brac	ekets.		
21. Watching firework	ks is one of our family	activitie	s at Tết. (TRADITION)	
22. Many artists from	all around the world_	at this festiva	l each year. (PERFORMANCE)	
23. Students are often	n about exa	ms. They should make	e a good study plan. (STRESS)	
24. Mary is suffering	from She	often cries in class. (B	SULLY)	
Rearrange the given	words to make comple	ete sentences.		
25. great / at / You'll	/a / festival. / time / ha	ve / this		
26. your / talk / in / ir	mpolite / with / It's / for	od / mouth. / to		
	N			
27. This year's / laste	d / as / festival / last ye	ear's. /as / long / food		
Combine the sentence	es using the words in	brackets. Put commas	where necessary.	
28. He wanted to offe	er his hosts a gift. He b	rought them some frui	t. (SO)	
29. You should attend	d the book fair next yea	ar. It is worth visiting.	(BECAUSE)	
30. You arrive at or li	ive a Ghanaina house.	You give all the peopl	e present. (WHEN)	
Daniel de la constant	Company land Chape	- 41 - 1 - 4 - 4 - 4 - 4 - 4 - 4 - 4 - 4	D. C D.)	

Read the text about Tomorrowland. Choose the best option (A, B, C or D).

TOMORROWLAND

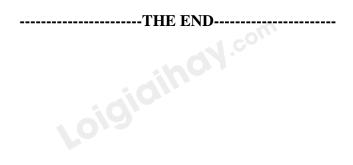
Tomorrowland is the world's largest electronic dance music festival. It (31) each summer at the					
magical wonderland in the Belgium town of Boom. The festival welcomes thousands of people from more					
than 200 countries att	ending every year. At 7	Гоmorrowland, you ca	n enjoy the (32)	of dance music	
for the whole weeks	end. This music festive	val is famous for its	many attractive stage	e designs. The (33)	
and other	performers are also th	e top stars in the world	l. Coming to Tomorro	wland, you can dress	
up in fashionable clot	thes, listen to (34)	music and ha	ve parties all day. You	can also grab a meal	
in one of the restaura	nts or go boating on th	ne lakes in the festival	areas. Tomorrowland	is well and truly one	
of the most worth-visiting music festivals in the world. (35) you are a dance music fan, you					
definitely should not miss it.					
31. A. takes part in B. lasts C. takes place D. performs					
32. A. good	B. best	C. better	D. well		
33. A. costumes	B. fans	C. instruments	D. singers		
34. A. the latest	B. late	C. later	D. latest		
35. A. If	B. When	C. Because	D. Although		
Read the text about dining customs around the world. Write R (right), W (wrong) or DS (doesn't say)					

KENYA: Before walking through the door of a Kenyan house, it's important to take off your shoes. Make sure you wash your hands both before and after the meal. Like people in many African countries, Kenyan people eat with only their right hands during the meal.

CHINA: In China, remember to wait for the eldest person to sit down or begin eating before you do it. Chinese people use chopsticks to eat, and they often drink tea during meals. They think it is a bad habit to watch TV, use a phone, or do some other activities while having a meal.

GREECE: Usually, if a Greek person invites you over for a meal, you will sit in the middle of the table. You should not start eating until your host invites you. Once you begin, don't stop. Eating more food is a way to show the host that you enjoy the meal and make them happy.

- **36.** You shouldn't go inside a house with your shoes on in Kenya.
- 37. Kenyan people don't use their left hands to eat because they think they are unclean.
- **38.** While you are having a meal with a Chinese family, you should focus on eating.
- **39.** The Greek doesn't like it when you eat too much.
- **40.** In China and Greece, you can start eating when you want.



HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. C	6. A	11. C	16. D	21. traditional	31. C	36. Right
2. B	7. D	12. B	17.C	22. perform	32. B	37. Doesn't say
3. D	8. C	13. C	18. A	23. stressed	33. D	38. Right
4. C	9. D	14. D	19. A	24. bullying	34. A	39. Wrong
5. A	10. B	15. A	20. B		35. A	40. Wrong

- 25. You'll have a great time at this festival.
- 26. It's impolite to talk with your mouth full of food.
- 27. This year's festival lasted as long as last year's.
- 28. He wanted to offer his hosts a gift, so he bought them some fruit.
- 29. You should attend the book fair next year because it is worth visiting.
- 30. When you arrive at or live in a Ghanaian house, you should give all the people present.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài nghe:

Mary: Hey, Tom, you look worried. What's wrong?

Tom: Hi, Mary. Well, Yuki invites me over for dinner at his house tomorrow, but I don't know much about Japanese customs.

Mary: Don't worry, I'll help you with that.

Tom: Awesome. What should I do?

Mary: You should be on time, don't arrive too late or too early. Oh, it's also a good idea to bring some gifts.

Tom: Got it. What else should I know?

Mary: Don't forget to take off your shoes and arrange them carefully before you go inside Yuki's house. Use wet towels to clean your hands before the meal and Japanese people use chopsticks to eat, so you might need some practice.

Tom: Oh no, I'm bad at using chopsticks.

Mary: Relax. It's not too hard.

Tom: I hope so. Thanks for your help. I think I'll go find something to buy for Yuki's family at the market.

Mary: I'm not busy right now, so I can go with you.

Tom: That would be great.

Tam dịch:

Mary: Này, Tom, trông bạn có vẻ lo lắng. Chuyện gì vậy?

Tom: Chào Mary. Chà, ngày mai Yuki mời tôi đến ăn tối tại nhà anh ấy, nhưng tôi không biết nhiều về phong tục Nhật Bản.

Mary: Đừng lo lắng, tôi sẽ giúp bạn việc đó.

Tom: Tuyệt vời. Tôi nên làm gì?

Mary: Bạn nên đến đúng giờ, đừng đến quá muộn hoặc quá sớm. Ô, mang theo chút quà cũng là một ý kiến hay đấy.

Tom: Hiểu rồi. Tôi nên biết điều gì khác?

Mary: Đừng quên cởi giày và sắp xếp cẩn thận trước khi vào nhà Yuki. Hãy dùng khăn ướt để lau tay trước bữa ăn và người Nhật dùng đũa để ăn nên bạn có thể cần phải luyện tập một chút.

Tom: Ô không, tôi dùng đũa tệ lắm.

Mary: Thư giãn đi. Nó không quá khó.

Tom: Tôi hy vọng vậy. Cảm ơn bạn đã giúp đỡ. Tôi nghĩ tôi sẽ đi chợ tìm thứ gì đó để mua cho gia đình Yuki.

Mary: Hiện tại tôi không bận nên tôi có thể đi cùng bạn.

Tom: Điều đó sẽ tuyệt vời.

1. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Tại sao Tom lại cảm thấy lo lắng?

A. Bởi vì anh ấy không thể đến nhà Yuki.

B. Bởi vì anh ấy không biết bố mẹ của Yuki.

C. Bởi vì anh ấy biết rất ít về phong tục ở Nhật Bản.

D. Bởi vì Mary không thể kể cho anh ấy nhiều về phong tục Nhật Bản.

Thông tin: "Yuki invites me over for dinner at his house tomorrow, but I don't know much about Japanese customs." (Ngày mai Yuki mời tôi đến nhà anh ấy ăn tối nhưng tôi không biết nhiều về phong tục Nhật Bản.)

Chọn C

2. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Khi nào là thời điểm tốt nhất để Tom đến nhà Yuki ăn tối?

A. Sóm 30 phút

B. đúng giờ

C. Trễ 10 phút

D bất cứ lúc nào anh ấy muốn

Thông tin: "You should be on time, don't arrive too late or too early."

(Bạn nên đến đúng giờ, đừng đến quá muộn hoặc quá sớm.)

Chọn B

3. D

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

B. close /klauz/

C. music / mju:.zik/

Tom nên dùng gì để rửa tay trước khi ăn? A. nước ấm Thông tin: "Use wet towels to clean your hands before the meal"

(Dùng khăn ướt để lau tay trước bữa ăn)

Chọn D 4. C Kiến thức: Nghe hiểu Giải thích: Mary nói gì về việc sử dụng đũa? A. Ăn bằng đũa thật thoải mái. B. Cô ấy dùng đũa không giỏi. C. Dùng đũa không khó. D Tom không cần tập dùng đũa. Thông tin: "I'm bad at using chopsticks. - Relax. It's not too hard." (Tôi không giỏi dùng đũa. - Thư giãn đi. Nó không quá khó đâu.)
Chọn C Loigidin 5. A Kiến thức: Nghe hiểu Giải thích: Tom và Mary sẽ làm gì tiếp theo? A. Ho sẽ đi chơ. B. Họ sẽ mua một số quần áo cho Tom. C. Họ sẽ đến thăm gia đình Yuki. D Họ sẽ quay trở lại nhà của Tom. **Thông tin:** "I think I'll go find something to buy for Yuki's family at the market." (Tôi nghĩ tôi sẽ đi chợ tìm thứ gì đó để mua cho gia đình Yuki.) Chon A 6. A Kiến thức: Phát âm "s" Giải thích: A. costume / kps.tfu:m/

D. because /bi'kəz/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /s/, các phương án còn lại phát âm /z/. Loigiaihay.com

Chon A

7. D

Kiến thức: Phát âm "o"

Giải thích:

A. cosplay / kpz.plei/

B. honest /'pn.ist/

C. costume / kps.tfu:m/

D. host /houst/

Phần được gạch chân ở phương án D được phát âm /əʊ/, các phương án còn lại phát âm /ɒ/.

Chon D

8. C

Kiến thức: Phát âm "a"

Giải thích:

A. parade /pəˈreɪd/

B. tradition /trə di ſ.ən/

C. wrapped /ræpt/

D. fashionable / fæʃ.ən.ə.bəl/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /æ/, các phương án còn lại phát âm /ə/.

Chon C

9. D

Kiến thức: Trọng âm từ có 2 âm tiết

Giải thích:

A. offer /'pf.ər/

B. listen /'lɪs.ən/

C. open /'au.pan/

D. respect /ri'spekt/

Phương án D có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chon D

10. B

Loigiaihay.com **Kiến thức:** Trọng âm từ có 3 âm tiết

Giải thích:

A. important /im'po:.tent/

B. cultural / kʌl.tʃər.əl/

C. expensive /ık'spen.sıv/

D. attractive /əˈtræk.tɪv/ Phương án B có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2. oigiaihay.com Chon B 11. C Kiến thức: Từ vựng Giải thích: Cụm từ "dress up in sth" (mặc – trang phục/ quần áo) At Halloween, people in my country usually dress **up in** scary costumes. (Vào dịp Halloween, người dân nước tôi thường mặc những bộ trang phục đáng sợ.) Chon C 12. B Kiến thức: Từ vựng Giải thích: A. shake (v): lắc B. bow (v): cúi C. touch (v): cham D. cross (v): băng qua In Thailand, people **bow** their heads and press their hands together to greet each other. (Ở Thái Lan, mọi người cúi đầu và chắp tay để chào nhau.) Chon B 13. C Kiến thức: Liên từ Giải thích: A. because: vì B. before: trước khi C. after: sau khi D. so: vì vây You should only take a bite after the oldest person at the table starts eating. (Bạn chỉ nên ăn sau khi người lớn tuổi nhất trong bàn bắt đầu ăn.) Chon C 14. D Kiến thức: So sánh nhất Giải thích: A. better (adj): tốt hơn B. best (adj): tốt nhất C. worse (adj): tệ hơn

D worst (adj):tệ nhất I don't like the band's new song. I think this is their worst song ever. (Tôi không thích bài hát mới của ban nhạc. Tôi nghĩ đây là bài hát tệ nhất của họ từ trước đến nay.) Loigioihay Chon D 15. A Kiến thức: Từ vưng Giải thích: A. impolite (adj): bất lịch sự B. nice (adj): tốt C. traditional (adj): truyền thống D. interesting (adj): thú vị You shouldn't shake hands with women in India - it's very impolite! (Bạn không nên bắt tay với phụ nữ ở Ấn Độ - điều đó rất bất lịch sự!) Chon A 16. D Kiến thức: So sánh bằng Giải thích: Cấu trúc so sánh bằng ở dạng phủ định: S1 + tobe + not + As / So + Adj + As + S2. His concert ticket isn't so cheap as mine because I have to sit very far from the stage. (Vé xem hòa nhạc của anh ấy không rẻ bằng của tôi vì tôi phải ngồi rất xa sân khấu.) Chon D 17. C Kiến thức: Chức năng giao tiếp Giải thích: A. Nó lớn hơn tôi nghĩ. B. Tôi rất hào hứng về điều đó. C. Ho hát rất hay. D. Âm nhạc quá to. *Chris:* "How were the singers?" – *Sue:* "They sang very well." (Chris: "Các ca sĩ thế nào?" – Sue: "Họ hát rất hay.") oigiaihay.com Chon C

18. A

Kiến thức: Chức năng giao tiếp

Giải thích:

A. Thành thật mà nói, tôi thấy chán.

B. Vâng, tôi đã mua hai vé.

C. Không, tôi đến buổi hòa nhạc bằng xe buýt. D. Đó là một bài hát hay. Brad: "Did you enjoy the concert?" - Kate: "To be honest, I was bored." (Brad: "Bạn có thích buổi hòa nhạc không?" – Kate: "Thành thật mà nói, tôi thấy chán.") Chon A 19. A Kiến thức: Từ vựng Giải thích: A. offer (v): tặng B. accept (v): chấp nhận C. receive (v): nhận D. refuse (v): từ chối If you go to a dinner party, you should **offer** some flowers to the host. (Nếu đi dự tiệc tối, bạn nên tặng một ít hoa cho chủ nhà.) Chon A 20. B Kiến thức: Từ vựng Giải thích: A. took (v): lấy B. gave (v): đưa C. had (v): có D. got (v): lấy Cum từ "give a presentation" (thuyết trình) Yesterday, Ivy gave a presentation on some popular customs in Việt Nam. (Hôm qua, Ivy đã trình bày về một số phong tục phổ biến ở Việt Nam.) Chon B 21. traditional Kiến thức: Từ loại Giải thích: Trước danh từ "activities" (các hoạt động) cần một tính từ. tradition (n): truyền thống => traditional (adj): truyền thống Watching fireworks is one of our family **traditional** activities at Têt. (Xem pháo hoa là một trong những hoạt động truyền thống của gia đình chúng tôi vào dịp Tết.) Đáp án: traditional 22. perform Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Theo sau chủ ngữ số nhiều "artists" (nghệ sĩ) cần một động từ dạng nguyên thể vì câu thì hiện tại đơn.

performance (n): màn trình diễn => perform (v): biểu diễn

Many artists from all around the world **perform** at this festival each year.

(Xem pháo hoa là một trong những hoạt động truyền thống của gia đình chúng tôi vào dịp Tết....)

Đáp án: perform

23. stressed

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Sau động từ tobe "are" cần một tính từ.

stress (n): áp lực => stressed (adj): bị căng thẳng

Students are often **stressed** about exams. They should make a good study plan.

(Học sinh thường bị căng thẳng trước các kỳ thi. Họ nên lập một kế hoạch học tập tốt.)

Đáp án: stressed

24. bullying

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Sau giới từ "from" cần một danh từ hoặc V-ing.

bully (v): bắt nạt => bullying (n): nạn bắt nạt

Mary is suffering from bullying. She often cries in class.

(Mary đang bị bắt nạt. Cô ấy thường khóc trong lớp.)

Đáp án: bullying

25.

Kiến thức: Thì tương lai đơn

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với thì tương lai đơn: S + will + Vo (nguyên thể).

Đáp án: You'll have a great time at this festival.

(Bạn sẽ có một thời gian tuyệt vời tại lễ hội này.)

26.

Kiến thức: to V sau tính từ

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với tính từ: It's + adj + to Vo (nguyên thể).

Đáp án: It's impolite to talk with your mouth full of food.

(Thật bất lịch sự khi nói chuyện khi miệng đang đầy thức ăn.)

27.

Kiến thức: So sánh bằng

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với so sánh bằng: S1 + V + as + tính từ + as + S2. oigiaihay.com

Đáp án: This year's festival lasted as long as last year's.

(Lễ hội năm nay kéo dài như năm ngoái.)

28.

Kiến thức: Mệnh đề kết quả

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với "so" (vi v q y): S + V, so + S + V.

He wanted to offer his hosts a gift. He brought them some fruit.

(Anh ấy muốn tặng chủ nhà một món quà. Anh ấy mang cho họ một ít trái cây.)

Đáp án: He wanted to offer his hosts a gift, so he brought them some fruit.

(Anh ấy muốn tặng quà cho chủ nhà nên đã mang đến cho họ một ít trái cây.)

29.

Kiến thức: Mệnh đề nguyên nhân

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với "because" (vi): S + V + because + S + V.

You should attend the book fair next year. It is worth visiting.

(Bạn nên tham dự hội chợ sách vào năm tới. Nó đáng để ghé thăm.)

Đáp án: You should attend the book fair next year because it is worth visiting.

(Bạn nên tham dự hội chợ sách năm sau vì nó rất đáng để ghé thăm.)

30.

Kiến thức: Mệnh đề thời gian

Giải thích:

You arrive at or live a Ghanaina house. You give all the people presents.

(Bạn đến hoặc sống tại một ngôi nhà Ghanaina. Bạn tặng quà cho tất cả mọi người.)

Đáp án: When you arrive at or live in a Ghanaian house, you should give all the people present.

(Khi bạn đến hoặc sống trong một ngôi nhà ở Ghana, bạn nên tặng quà cho tất cả mọi người.)

31. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. takes part in (v): tham gia

B. lasts (v): kéo dài

C. takes place (v): diễn ra

D. performs (v): biểu diễn

It takes place each summer at the magical wonderland in the Belgium town of Boom.

(Nó diễn ra vào mỗi mùa hè tại xứ sở thần tiên huyền diệu ở thị trấn Boom của Bỉ.)

Chon C 32. B Kiến thức: So sánh nhất Giải thích: Dấu hiệu so sánh nhất "the". Tính từ "good" (tốt) có dạng so sánh hơn là "better", so sánh nhất là "the best". At Tomorrowland, you can enjoy the **best** of dance music for the whole weekend. (Tại Tomorrowland, bạn có thể thưởng thức những bản nhạc dance đỉnh cao suốt cả ngày cuối tuần.) Chon B 33. D Kiến thức: Từ vựng Giải thích: A. costumes (n): trang phục B. fans (n): người hâm mộ C. instruments (n): dung cu D. singers (n): ca sĩ The **singers** and other performers are also the top stars in the world. (Các ca sĩ và nghệ sĩ biểu diễn khác cũng là những ngôi sao hàng đầu thế giới.) Chon D 34. A Kiến thức: So sánh nhất Giải thích: Cấu trúc so sánh nhất với tính từ ngắn "late" ($tr\tilde{e}$): S + tobe + the + Adj + est. Coming to Tomorrowland, you can dress up in fashionable clothes, listen to the latest - music and have parties all day. (Đến với Tomorrowland, ban có thể diện những bộ quần áo thời trang, nghe những bản nhạc mới nhất và tổ chức tiệc tùng cả ngày.) Chon A 35. A Kiến thức: Liên từ Giải thích: A. If: nếu B. When: khi

If you are a dance music fan, you definitely should not miss it.

C. Because: vì

D. Although: mặc dù

(Nếu bạn là người yêu thích nhạc dance thì chắc chắn không nên bỏ qua.)

Chon A

Bài hoàn chỉnh:

TOMORROWLAND

Tomorrowland is the world's largest electronic dance music festival. It (31) takes place each summer at the magical wonderland in the Belgium town of Boom. The festival welcomes thousands of people from more than 200 countries attending every year. At Tomorrowland, you can enjoy the (32) best of dance music for the whole weekend. This music festival is famous for its many attractive stage designs. The (33) singers and other performers are also the top stars in the world. Coming to Tomorrowland, you can dress up in fashionable clothes, listen to (34) the latest - music and have parties all day. You can also grab a meal in one of the restaurants or go boating on the lakes in the festival areas. Tomorrowland is well and truly one of the most worth-visiting music festivals in the world. (35) If you are a dance music fan, you definitely should not miss it.

Tam dich:

TOMORROWLAND

Tomorrowland là lễ hôi âm nhạc dance điện tử lớn nhất thế giới. Nó (31) **diễn ra** vào mỗi mùa hè tại xứ sở thần tiên huyền diệu ở thị trấn Boom của Bỉ. Lễ hội chào đón hàng ngàn người từ hơn 200 quốc gia tham dự hàng năm. Tại Tomorrowland, bạn có thể thưởng thức nhạc dance (32) hay nhất cho cả ngày cuối tuần. Lễ hội âm nhạc này nổi tiếng với nhiều thiết kế sân khấu hấp dẫn. Các ca sĩ (33) và người biểu diễn khác cũng là những ngôi sao hàng đầu thế giới. Đến với Tomorrowland, bạn có thể mặc những bộ quần áo thời trang, nghe những bản nhạc (34) **mới nhất** và tổ chức tiệc tùng cả ngày. Bạn cũng có thể dùng bữa tại một trong các nhà hàng hoặc chèo thuyền trên hồ ở khu vực lễ hội. Tomorrowland thực sự là một trong những lễ hội âm nhạc đáng tham quan nhất trên thế giới. (35) **Nếu** bạn là một fan của nhạc dance thì nhất định không nên bỏ qua.

36. Right

Kiến thức: Đoc hiểu

Giải thích:

You shouldn't go inside a house with your shoes on in Kenya.

(Bạn không nên đi giày vào trong nhà ở Kenya)

Thông tin: "Before walking through the door of a Kenyan house, it's important to take off your shoes."

(Trước khi bước qua cửa một ngôi nhà ở Kenya, điều quan trọng là bạn phải cởi giày.) sigiaihaY

Chon Right

37. Doesn't say

Kiến thức: Đoc hiểu

Giải thích:

Kenyan people don't use their left hands to eat because they think they are unclean.

(Người Kenya không dùng tay trái để ăn vì cho rằng tay trái không sạch sẽ.)

Thông tin: "Kenyan people eat with only their right hands during the meal." Loigiaihay.com

(Người Kenya chỉ ăn bằng tay phải trong bữa ăn.)

Không có thông tin liên quan trong bài đọc.

Chon Doesn't say

38. Right

Kiến thức: Đoc hiểu

Giải thích:

While you are having a meal with a Chinese family, you should focus on eating.

(Trong khi dùng bữa với một gia đình Trung Quốc, bạn nên tập trung vào việc ăn uống.)

Thông tin: "They think it is a bad habit to watch TV, use a phone, or do some other activities while having a meal."

(Họ cho rằng việc xem TV, sử dụng điện thoại hoặc thực hiện một số hoạt động khác trong khi dùng bữa là môt thới quen xấu.)

Chon Right

39. Wrong

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

The Greek doesn't like it when you eat too much.

(Người Hy Lạp không thích bạn ăn quá nhiều.)

Thông tin: "Eating more food is a way to show the host that you enjoy the meal and make them happy."

(Ăn nhiều hơn là một cách để cho chủ nhà thấy rằng bạn thích bữa ăn và khiến họ vui vẻ.)

Chon Wrong

40. Wrong

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

In China and Greece, you can start eating when you want.

(Ở Trung Quốc và Hy Lạp, bạn có thể bắt đầu ăn khi bạn muốn.)

Thông tin: "In China, remember to wait for the eldest person to sit down or begin eating before you do it. -

You should not start eating until your host invites you."

(Ở Trung Quốc, hãy nhớ đợi người lớn tuổi nhất ngồi xuống hoặc bắt đầu ăn trước khi bạn làm việc đó. -

Ban không nên bắt đầu ăn cho đến khi chủ nhà mời ban)

Chon Wrong

Tạm dịch:

KENYA: Trước khi bước qua cửa một ngôi nhà ở Kenya, điều quan trọng là bạn phải cởi giày. Hãy chắc chắn rằng bạn rửa tay cả trước và sau bữa ăn. Giống như người dân ở nhiều nước châu Phi, người Kenya chỉ ăn bằng tay phải trong bữa ăn.

TRUNG QUỐC: Ở Trung Quốc, hãy nhớ đợi người lớn tuổi nhất ngồi xuống hoặc bắt đầu ăn trước khi ăn. Người Trung Quốc dùng đũa để ăn và họ thường uống trà trong bữa ăn. Họ cho rằng việc xem TV, sử dụng điện thoại hoặc thực hiện một số hoạt động khác trong khi dùng bữa là một thói quen xấu.

HY LẠP: Thông thường, nếu một người Hy Lạp mời bạn dùng bữa, bạn sẽ ngồi ở giữa bàn. Bạn không nên bắt đầu ăn cho đến khi chủ nhà mời bạn. Một khi bạn bắt đầu, đừng dừng lại. Ăn nhiều hơn là một cách để cho chủ nhà thấy rằng bạn thích bữa ăn và khiến họ vui vẻ.